TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:448/2019/HC-PT Ngày: 15- 7- 2019 V/v *Khiếu kiện hành vi không giải quyết khiếu nại*.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười.

Các Thẩm phán: BàTrần Thị Thu Thủy.

Ông Lê Thành Văn.

- ***Thư ký phiên tòa***:Ông Lê Đức Anh- Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấpcao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày15tháng7năm 2019 tại trụ sở Trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 02/2019/TLPT-HC ngày03tháng 01 năm 2019 về "Khởi kiện đối với quyết định, hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai"

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 79/2019/HC-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:985/2018/QĐ- PT ngày26 tháng6 năm 2019giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Minh Kh, sinh năm 1935; và bà Trần Thị Nh, sinh năm 1933 (vắng mặt);

Địa chỉ: tỉnh lộ 44A, tổ 2, khu phố 7, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Người đại diện theo ủy quyền của ông Kh và bà Nh:

- Bà Lê Mỹ Ng, sinh năm 1956 (có mặt);

Địa chỉ: đường N, phường 12, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lê Minh H, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: tỉnh Lộ 44A, khu phố 7, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –

Vũng Tàu.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phan Văn M – Phó giám đốc Sở Tài nguyên và môi trườngcó đơn xin xét xử vắng mặt);

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thành phố B;

Địa chỉ: đường 27/2, phường Ph, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Lê Thị Kim U, sinh năm 1965;

- Bà Lê Thị Kim L, sinh nắm 9170;

- Ông Dương Văn Th và bà Nguyễn Thị B;

Cùng địa chỉ: tổ 2, khu phố 7, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Ông Đoàn Văn Đ và bà Dương Thị Thu H;

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Q1, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2018 của người khởi kiện cũng như trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, bà Lê Mỹ Ng và ông Lê Minh H thống nhất cùng trình bày:

Đối tượng khởi kiện:

- Quyết định số: 1036/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố B *(viết tắt là Quyết định 1036)* về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Minh Kh (lần đầu).

- Quyết định số: 705/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (*viết tắt là Quyết định 705*) về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Lê Minh Kh, bà Trần Thị Nh.

- Hành vi hành chính của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc áp dụng khoản 2 Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011 để không thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại ngày 26/3/2018 của ông Lê Minh Kh, bà Trần Thị Nh là trái pháp luật.

Cơ sở khởi kiện:

1. Đối với Quyết định 1036:

- Có vi phạm về thủ tục, trình tự ban hành:

+ Vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu, vì ông Lê Minh Kh có đơn khiếu nại đề ngày 20/8/2015, tuy nhiên đến ngày 13/4/2016, UBND thành phố B mới ban hành Quyết định số 1036;

+ Vi phạm khoản 1 Điều 10 Thông tư số 07/2013 của Thanh tra Chính phủ vì Chủ tịch UBND thành phố B không mời người khiếu nại đến làm việc, và không tiến hành thu thập tài liệu khiếu nại;

+ Vi phạm Điều 16 Thông tư số 07/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định về việc làm việc với các bên trong quá trình xác minh nội dung khiếu nại: Làm việc nửa chừng bỏ ngang, không ghi nhận ý kiến của người khiếu nại;

+ Vi phạm Điều 18 Thông tư số 07/2013 của Thanh tra Chính phủ về báo cáo kết quả nội dung khiếu nại, trong hồ sơ UBND thành phố B cung cấp thì có Báo cáo số 200 ngày 12/11/2015 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B là báo cáo không trung thực, trái luật vì phát sinh sau khi tổ chức đối thoại ngày 14/3/2016. Văn bản không có đánh số, không ngày, không tháng, không năm được gọi là báo cáo nội dung khiếu nại;

+ Vi phạm Điều 21 Thông tư số 07/2013 của Thanh tra Chính phủ về việc tổ chức đối thoại lần đầu. Không cho người khiếu nại trình bày ý kiến và bổ sung yêu cầu của mình, chỉ chủ yếu để người khiếu nại rút đơn và ngồi nghe đọc báo cáo;

+ Sử dụng văn bản bất hợp pháp để công bố là báo cáo kết quả xác minh, không cung cấp văn bản "báo cáo xác minh" cho người khiếu nại với lý do là báo cáo để gửi cho lãnh đạo không cung cấp cho dân;

+ Lập biên bản đối thoại sai mẫu quy định, cán bộ làm việc thiếu hòa nhã;

+ Vi phạm khoản 2 Điều 22 Thông tư 07/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định về gửi quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, cụ thể là Quyết định 1036 ban hành ngày 13/4/2016, thực nhận ngày 18/7/2017. Như vậy thời gian người khiếu nại nhận được quyết định giải quyết là trên 450 ngày kể từ ngày quyết định được ký;

+ Đơn yêu cầu hoãn chuyển nhượng là ngày 27/01/2016, thụ lý ngày 3/2/2016 và có Quyết định ngày 13/4/2016, như vậy vi phạm thời hạn giải quyết.

- Không đồng ý Quyết định 1036 về nội dung:

Đối với việc cấp giấy chứng nhận: ông Lê Minh Kh và bà Trần Thị Nh chưa bao giờ khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận theo bản án là trái pháp luật. Nên việc UBND các cấp ban hành quyết định giải quyết khiếu nại cho rằng việc cấp giấy chứng nhận theo bản án, là không đúng nội dung và cơ sở khiếu nại, nên việc UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận cho bà L và bà U là trái pháp luật, vì:

+ Ngày 24/3/2015, ông Lê Minh Kh đã có đơn khiếu nại đối với thửa đất số 446 mà ông là chủ sử dụng đất hợp pháp, trong đó bao gồm thửa 469 và 470 chưa được cấp giấy chứng nhận. Đơn khiếu nại này được Văn phòng đăng ký

đất đai thành phố B thụ lý từ ngày 3/4/2015, trước khi bản án số 21 có hiệu lực pháp luật ngày 08/4/2015, như vậy UBND thành phố B thực hiện bản án số 21, tức là cấp giấy cho bà L và bà U trước khi thực hiện việc giải quyết khiếu nại là không đúng pháp luật và chuẩn mực hành xử của cộng đồng.

+ Vi phạm Điểm a khoản 3 Điều 84 Nghị định 43 của Chính phủ quy định về quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án đối với trường hợp đã được công nhận một phần thửa đất đã cấp giấy chứng nhận, cụ thể thửa 469 và 470 chưa được đo đạc địa chính theo quy định mà đã cấp giấy chứng nhận là trái luật.

+ Thửa 469 và 470, mỗi thửa đất trên sơ đồ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số đo kích thước không phù hợp với diện tích được ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Đối với việc bác đơn về việc tạm hoãn chuyển nhượng**:**

Ngày 27/01/2016, ông Kh có đơn xin ngăn chặn đề nghị UBND thành phố B tạm dừng chuyển nhượng 02 thửa đất 469,470 để chờ kết quả giải quyết khiếu nại. Ngày 13/4/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B có quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1036 và ngày 13/3/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 705. Tuy nhiên ngày 02/02/2016, UBND thành phố B xác nhận bà L đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 469 cho ông Dương Văn Th và bà Nguyễn Thị B trước khi có Quyết định giải quyết khiếu nại là trái pháp luật.

Việc chuyển nhượng thửa số 469 có dấu hiệu bất thường, việc chỉnh lý biến động giấy chứng nhận cụ thể Văn bản 6838 thể hiện thì bà L chuyển nhượng cho ông Th ngày 02/02/2016, nhưng Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp hồ sơ lưu trữ ngày 01/3/2016 thì thể hiện chưa chuyển chượng. Vì vậy, việc chuyển nhượng thửa 469 là có dấu hiệu bất thường.

2. Quyết định 705 vi phạm về thủ tục, trình tự ban hành:

+ Vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại vì ông Lê Minh Kh có đơn khiếu nại đề ngày 15/8/2017 (không phải ngày 08/9/2017, như biên bản đối thoại ngày 15/8/2018 đã ghi), tuy nhiên đến ngày 13/3/2018, UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu mới ban hành Quyết định số 705.

+ Theo Báo cáo số 10/BC-STNMT ngày 19/01/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và kết quả đối thoại cùng ngày 30/01/2018 khi đang bị khiếu nại là không bảo đảm chính xác.

+ Quyết định 705 chỉ giải quyết việc khiếu nại về việc cấp giấy chứng nhận là không phù hợp với nội dung khiếu nại Quyết định 1036.

Về vấn đề kháng nghị, ngày 22/6/2015 Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đã nhận đơn đề nghị kháng nghị Bản án số 21. Ngày

17/3/2016 cả hai cơ quan trên tiếp tục nhận đơn kiến nghị bổ sung bản án nêu trên. Ngày 13/2/2017, Viện kiểm sát cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có Thông báo số 484 về việc thông báo Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã chuyển hồ sơ vụ án của Bản án số 21 về Tòa cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 19/01/2017 đến nay vẫn chưa hoàn trả. Như vậy người có thẩm quyền kháng nghị chưa có quyết định kháng nghị, nhưng đã có động thái xem xét hồ sơ vụ án trong 20 tháng qua, vì vậy việc UBND Tỉnh cho rằng người có thẩm quyền kháng nghị bản án số 21 chưa có "quyết định hoãn thi hành bản án số 21 nên các cá nhân, cơ quan có liên quan có trách nhiệm phải chấp hành bản án có hiệu lực pháp luật"; đây là kết luận chưa thấu tình đạt lý đối với người cao tuổi và hoàn toàn mâu thuẫn với bản chất hành xử của UBND tỉnh trong giải quyết một số vụ việc khiếu nại khác.

3. Hành vi hành chính của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại đề ngày 26/3/2018 của ông Lê Minh Kh, bà Trần Thị Nh là trái pháp luật:

Ngày 08/3/2018, UBND thành phố B có Thông báo số 179/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông Kh. Không đồng ý, ngày 26/3/2018 ông Lê Minh Kh có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Tuy nhiên, ngày 06/4/2018 Ban tiếp công dân của Văn phòng UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã lập Biên bản về việc không thụ lý đơn khiếu nại của ông Kh theo khoản 2 điều 11 Luật khiếu nại "khiếu nại thuộc một trong các trường hợp không được thụ lý giải quyết..", là không có căn cứ vì khiếu nại của ông Kh thuộc trường hợp phải thụ lý giải quyết.

Từ những căn cứ trên, ông Lê Minh Kh và bà Trần Thị Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên:

- Hủy Quyết định số: 1036/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Minh Kh.

- Hủy Quyết định số: 705/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Minh Kh, bà Trần Thị Nh.

- Tuyên Hành vi hành chính của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Minh Kh, bà Trần Thị Nh là trái pháp luật.

Buộc Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại đề ngày 26/3/2018 của ông Lê Minh Kh và bà Trần Thị Nh theo quy định pháp luật.

Theo Văn bản ý kiến số 9437/UBND-VP ngày 24/9/2018 của người bị kiện UBND Tỉnh, số 3695/UBND-VP ngày 12/9/2018 của UBND Thành phố

B và quá trình tố tụng tại Tòa án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người bị kiện, người liên quan UBND các cấp đồng nhất trình bày:

1**.** Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà L, bà U:

Ngày 08/4/2015, Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh BR-VT có Bản án dân sự phúc thẩm số 21/2015/DS-PT về việc tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Tại bản án này, TAND Tỉnh đã tuyên:"*Bà Lê Thị Kim L được quyền sử dụng 180,7m^2 đất nông nghiệp là một phần thuộc thửa 446 tờ bản đồ số 31 phường L, TP. Bà Rịa và được quyền sở hữu toàn bộ nhà, công trình, cây trái trên đất. Bà Lê Thị Kim U được quyền sử dụng 108,3m^2 đất nông nghiệp là một phần thuộc thửa 224 (diện tích 13,4m^2) và một phần thửa 446 (diện tích 94,9m^2) tờ bản đồ số 31 phường L, TP. Bà Rịa và được quyền sở hữu toàn bộ nhà, công trình cây trái trên đất.*

Đất đã được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận số AO 267255 và số AO 267254 cấp cùng ngày 28/5/2009 mang tên ông Lê Minh Kh.

Vị trí, kích thước tứ cận đất được xác định theo Sơ đồ vị trí khu đất do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất TP. Bà Rịa lập ngày 08/4/2015(kèm theo bản án)".

Ngày 26/5/2015, bà Lê Thị Kim L có Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Bản án số 21/2015/DS-PT ngày 08/4/2015 của TAND tỉnh BR-VT. Hồ sơ nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc HĐND và UBND thành phố B theo Biên nhận số 171.2015.208.

Ngày 29/5/2015, bà Lê Thị Kim Ucó Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Bản án số 21/2015/DS-PT ngày 08/4/2015 của TAND tỉnh BR-VT. Hồ sơ nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND thành phố B theo Biên nhận số 171.2015.216.

Ngày 10/7/2015, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B có Công văn số 2050/VPĐKQSDĐ về việc thực hiện Bản án số 21/2015/DS-PT ngày 08/4/2015 của TAND tỉnh BR-VT. Tại Văn bản này, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất đã đề nghị ông Lê Minh Kh giao nộp bản chính giấy CNQSD đấtsố AO 267255 và số AO 267254 ngày 28/5/2009 để chỉnh lý biến động giảm diện tích đất theo nội dung Bản án số 21/2015/DS-PT ngày 08/4/2015 của TAND tỉnh BR-VT. Tuy nhiên, ông Kh không giao nộp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Ngày 17/7/2015, ông Lê Minh Kh có đơn đề nghị xem xét "giải quyết đơn khiếu nại và hoãn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Kim L, Lê Thị Kim U". Ông Kh gửi kèm theo đơn là bản sao Giấy xác nhận

nhận đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh ngày 23/6/2015.

Ngày 07/8/2015, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố có Văn bản số 2430/BC-VPĐKQSDĐ về việc trả lời đơn của ông Lê Minh Kh về đề nghị tiếp tục giải quyết đơn khiếu nại và hoãn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Kim L và bà Lê Thị Kim U. Tại Văn bản này, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất có ý kiến: "*Hiện nay, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án) chưa có quyết định hoãn thi hành bản án dân sự phúc thẩm số 21/2015/DS-PT ngày 08/4/2015 của TAND tỉnh BR-VT. Do đó, hiện không có cơ sở để Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B xem xét hoãn lập thủ tục trình UBNDthành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Kim L, Lê Thị Kim U theo đề nghị của ông Lê Minh Kh*".

Ngày 04/8/2015, UBND thành phố B đã cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 466639 cho bà Lê Thị Kim U và số BS 466638 cho bà Lê Thị Kim L theo Bản án số 21/2015/DS-PT ngày 08/4/2015 của TAND tỉnh BR-VT, là đúng.

2.Cơ sở để UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 466639 cho bà Lê Thị Kim U và số BS 466638 cho bà Lê Thị Kim L ngày 04/8/2015:

- Các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể gồm:

+ Điều 19quy định về Bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định của Toà án: "*Bản án, quyết định của Toà án đã có hiệu lực pháp luật phải được thi hành và phải được mọi công dân, cơ quan, tổ chức tôn trọng. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có nghĩa vụ chấp hành bản án, quyết định của Tòa án phải nghiêm chỉnh chấp hành*".

+ Khoản 6, Điều 279 quy định về Bản án phúc thẩm: "*Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án*".

+ Điều 286 quy định về Hoãn, tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật:

1. *Người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án có quyền yêu cầu hoãn thi hành bản án, quyết định để xem xét việc kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Việc hoãn thi hành án được thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự.*

2. *Người đã kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật có quyền quyết định tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định đó cho đến khi có quyết định giám đốc thẩm*

+ Khoản 1, Điều 285 quy định về Người có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm

1. *Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án các cấp, trừ quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.*

+ Điểm b, khoản 1, Điều 375 quy định về Những bản án, quyết định của Toà án được thi hành

1. *Những bản án, quyết định dân sự của Tòa án được thi hành là những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, bao gồm:*

b) Bản án, quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm;

- Các quy định của Luật Đất đai 2013, cụ thể gồm:

+ Điểm d Khoản 1 Điều 99 Trường hợp sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho những trường hợp sau đây:

d) Người được sử dụng đất theo ... theo bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân có thẩm quyền đã được thi hành;

+ Khoản 3 Điều 100 quy định về Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất có giấy tờ về quyền sử dụng đất

3. *Hộ gia đình, cá nhân được sử dụng đất theo bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân đã được thi hành ... thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; trường hợp chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật.*

+ Điều 105 về Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

2. *Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.*

- Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của UBND tỉnh BR–VT về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Như vậy, tại thời điểm bà U và bà L đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Bản án dân sự phúc thẩm số 21/2015/DS-PT ngày 08/4/2015 của TAND tỉnh BR-VT, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (là những người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm Bản án trên) không có quyết định hoãn thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 21/2015/DS-PT ngày 08/4/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Do đó, việc UBND thành phố B cấp GCNQSD đất số BS 466639 cho bà Lê Thị Kim U và GCNQSD đất số BS 466638 cho bà Lê Thị Kim L theo Bản án số 21/2015/DS-PT ngày 08/4/2015 của TAND tỉnh BR-VT là đúng quy định pháp luật.

Bà U đã được UBND thành phố cấp GCNQSD đất đối với 108,3m^2, thửa 469 tờ bản đồ số 31 phường L, TP. Bà Rịa. Bà Lê Thị Kim L đã được UBND thành phố cấp GCNQSD đất đối với 180,7m^2, thửa 470 tờ bản đồ số 31 phường L, TP Bà Rịa. Do đó, bà U và bà L có đầy đủ các quyền được quy định tại Điều 167 Luật Đất đai đối với các thửa đất số 469, 470 tờ bản đồ số 31 phường L, TP Bà Rịa mà UBND thành phố đã cấp GCNQSD đất cho bà U và bà L.

Do đó, Việc ông Kh và bà Nh kiến nghị UBND thành phố chỉ đạo VPĐKQSD đất thành phố tạm hoãn việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký, cấp GCN mới nếu bà U, L chuyển nhượng các thửa đất số 469, 470 tờ bản đồ số 31, phường L theo các GCNQSD đất số BS 466639, 466638 mà UBND thành phố đã cấp cho bà Lê Thị Kim U và Lê Thị Kim L là không có cơ sở để được xem xét, giải quyết**.** Bà L và bà U có các quyền của người sử dụng đất theo Điều 166, 167, 168, 188 Luật Đất đai, nên việc ông Kh, bà Nh khiếu nại yêu cầu tạm ngừng là không có sơ sở.

3**.** Từ những nội dung trên, Quyết định số 1036/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 của UBND thành phố B và Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Minh Kh và bà Trần Thị Nh, theo đó đều bác khiếu nại là có căn cứ.

4**.** Đối với việc không thụ lý giải quyết khiếu nại củaChủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**:**

Theo khoản 2 Điều 11 Luật khiếu nại:

Điều 11: Khiếu nại thuộc một trong các trường hợp không được thụ lý giải quyết:

2: Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại.

Do vậy yêu cầu khởi kiện của ông Kh, bà Nh "Tuyên Hành vi hành chính

của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Minh Kh, bà Trần Thị Nh là trái pháp luật.

Buộc Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại đề ngày 26/3/2018 của ông Lê Minh Kh và bà Trần Thị Nh theo quy định pháp luật", là không có căn cứ.

Từ những cơ sở nêu trên, đề nghị TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Kh và bà Trần Thị Nh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn Th trình bày: Ngày 12/12/2015, ông Th và vợ là bà Nguyễn Thị B có nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị Kim L thửa đất số 469 tờ bản đồ 31 tọa lạc phường L, thành phố B. Ngày 02/02/2016, đã được chỉnh lý tại trang 3 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 466638.

Sau khi nhận chuyển nhượng, ông Th, bà B sinh sống ở căn nhà tạm trên đất. Khoảng tháng 7 năm 2018, thì ông Th, bà B đã chuyển nhượng nhà đất trên cho ông Đoàn Văn Đ và bà Dương Thị Thu H (giáo viên cấp 2 trường Quảng Phú). Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng và hiện hồ sơ chuyển nhượng đang được nộp ở bộ phận một cửa của UBND thành phố B. Hai bên đã bàn giao nhà đất, nhưng ông Th thuê lại nhà đất này để ở.

Tại Bản án hành chính số 79/2019/HC-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Kh và bà Trần Thị Nh về việc "Hủy Quyết định số: 1036/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Minh Kh (lần đầu); Hủy Quyết định số: 705/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Minh Kh, bà Trần Thị Nh (lần hai); Tuyên hành vi hành chính của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Minh Kh, bà Trần Thị Nh là trái pháp luật; Buộc Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại đề ngày 26/3/2018 của ông Lê Minh Kh và bà Trần Thị Nh theo quy định pháp luật."

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/12/2018, người khởi kiện ông Lê Minh Khcó đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án số 79/2019/HC-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo hướng hủy các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 469 giữa bà Lê Thị Kim L và ông Dương Văn Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm về kháng cáo như sau:

Kháng cáo của người khởi kiện là không có cơ sở chấp nhận, bởi vì: Chứng cứ tại hồ sơ thể hiện quá trình giải quyết cũng như việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà U, bà L và việc chuyển nhượng sau đó là đúng quy định của pháp luật. Các quyết định giải quyết khiếu nại là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hợi đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thụ tục tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Chủ tịch UBND Thành phố B có và người có quyền, nghĩa vụ liên quan là UBND Thành phố B có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, xác định tư cách đương sự và về thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng theo các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[3]Xét tính hợp pháp, có căn cứ của các quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện nêu trên, thấy:

[3.1]. Về hình thức:

Ngày 20/8/2015, ông Kh, bà Nh có "*đơn khiếu nại"* việc "UBND thị xã Bà Rịa đã cấp giấy chứng nhận QSD đất số BS 466639 cho bà Lê Thị Kim U và số BS 466638 cho bà Lê Thị Kim L là không phù hợp pháp luật".

Ngày 27/01/2016, ông Kh, bà Nh có "*đonkiến nghị"* đề nghị "tạm hoãn chuyển nhượng sang tên quyền sử dụng thửa đất 469 đứng tên bà L và thửa 470 đứng tên bà U".

Ngày 01/3/2016 và ngày 14/3/2016, Phòng Tài nguyên và Môi trườnglập Biên bản làm việc với người đại diện của ông Kh, bà Nh để công bố kết quả xác minh khiếu nại theo Báo cáo số 200/BC-TNMT ngày 12/11/2015 của Phòng Tài nguyên và Môi trường.

Ngày 13/4/2016,Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1036/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Kh (lần đầu), có nội dung: "*Việc ông Kh, bà Nh có đơn khiếu nại UBND thị xã Bà Rịa đã cấp giấy*

chứng nhận QSD đất số BS 466639 cho bà Lê Thị Kim U và số BS 466638 cho bà Lê Thị Kim L là không phù hợp pháp luật" là không có cơ sở.

Không đồng ý với Quyết định 1036, ngày 15/8/2017 ông Kh tiếp tục khiếu nại đến chủ tịch UBND Tỉnh.

Căn cứ vào Báo cáo số 10/BC-STNMT ngày 19/01/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả xác minh khiếu nại và Công văn số 668/STNMT-TTr ngày 05/02/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về báo cáo kết quả đối thoại vụ khiếu nại của ông Kh.

Ngày 13/3/2018, UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu ban hành Quyết định số 705/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại (lần hai).

Như vậy, về hình thức: Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1036 và Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 705/QĐ-UBND là có vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại, thời hạn công bố, gửi quyết định giải quyết khiếu nại được quy định tại Điều 28, 37, 32, 41 Luật khiếu nại năm 2011; tuy nhiên được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18,21; đúng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại theo Luật khiếu nại năm 2011.

[3.2] Về nội dung:

[3.2.1] Kháng cáo của người khởi kiện tiếp tục cho rằng "ông Kh có đơn khiếu nại ngày 24/3/2015 - tức là khiếu nại trước khi có Bản án số 21/DSPT của Tòa án tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Do vậy việc cấp giấy chứng nhận cho bà U, bà L trong khi chưa giải quyết khiếu nại của ông Kh là vi phạm pháp luật. Ông Kh, bà Nh không khiếu nại việc cấp giấy theo bản án".

Ý kiến của người đại diện cho người khởi kiện về nội dung này là không có cơ sở, bởi lẽ: Ngày 24/3/2015 ông Kh có đơn về nội dung " khiếu nại hành vi đo vẽ của Văn phòng đăng ký QSD đất thành phố B, thể hiện cách làm việc thiếu trung thực, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông Kh. Đồng thời yêu cầu Văn phòng đăng ký QSD đất chỉnh sửa lại sơ đồ vị trí khu đất cho đúng với thực địa của thửa 446 và 224, không được lấn sang thửa 224. Xin cho biết lý do gì cơ quan làm việc không trung thực (vì chuyên môn yếu hay tiêu cực vì bị cá nhân, cơ quan nào đó áp đặt".

Giải quyết khiếu nại nêu trên của ông Kh, ngày 18/9/2015, Giám đốc Văn phòng đăng ký QSD đất thành phố B có Quyết định số 2966 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, theo đó bác toàn bộ khiếu nại của ông Kh với lý do: Văn phòng đăng ký QSD đất thành phố B thực hiện trích đo theo yêu cầu của Tòa án.

Không đồng ý, ông Kh tiếp tục khiếu nại và đã được giải quyết khiếu nại lần hai, theo đó tiếp tục bác đơn của ông Kh.

Như vậy, đơn ngày 24/3/2015 của ông Kh là khiếu nại về hành vi đo vẽ của Văn phòng đăng ký QSD đất thành phố B được thực hiện trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án dân sự và khiếu nại này đã được cơ quan chuyên môn giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3.2.2] Đối với nội dung kháng cáo về Quyết định số 1036 có nội dung giải quyết khiếu nại của ông Kh, bà Nh về việc "UBND thị xã Bà Rịa đã cấp giấy chứng nhận QSD đất số BS 466639 cho bà Lê Thị Kim U và số BS 466638 cho bà Lê Thị Kim L là không phù hợp pháp luật".

Cơ sở UBND thị xã Bà Rịa đã cấp giấy chứng nhận QSD đất số BS 466639 cho bà Lê Thị Kim U và số BS 466638 cho bà Lê Thị Kim L là Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật số 21/2015/DS-PT ngày 08/4/2015 của TAND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Theo bản án, diện tích đất bà U được cấp là 108,3m^2, thửa 469, bà L được cấp với 180,7m^2, thửa 470, tờ bản đồ số 31 phường L, có "*Vị trí, kích thước tứ cận đất được xác định theo Sơ đồ vị trí khu đất do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất TP. Bà Rịa lập ngày 08/4/2015(kèm theo bản án)*".

Như vậy, căn cứ bản án có hiệu lực pháp luật, UBND thị xã Bà Rịa đã cấp giấy chứng nhận QSD đất số BS 466639 cho bà Lê Thị Kim U và số BS 466638 cho bà Lê Thị Kim L theo đúng vị trí, tứ cận, diện tích của sơ đồ kèm theo bản án, là đúng quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 99, Khoản 3 Điều 100 của Luật Đất đai 2013.

Từ những phân tích trên cho thấy, việc ông Kh, bà Nh khởi kiện cũng như kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số: 1036/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Minh Kh (lần đầu); Hủy Quyết định số: 705/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Minh Kh, bà Trần Thị Nh (lần hai), là không có căn cứ chấp nhận.

[3.2.3]. Về hành vi không thụ lý, giải quyết khiếu nại củaChủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**:**

Ngày 14/4/2017 ông Kh, bà Nh có đơn đề nghị ngăn chặn, không cấp phép xây dựng công trình nhà ở kiên cố, vật kiến trúc cố định tại thửa 469, tờ bản đồ số 31, phường L, do ông Dương Văn Th và bà Nguyễn Thị B đứng tên do nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị Kim L theo giấy chứng nhận QSD đất số BS 466638.

Ngày 24/7/2017,UBND thành phố B có Công văn số 2247/UBND-VP về việc trả lời đơn của ông Kh, bà Nh, có nội dung: Đề nghị của ông Kh, bà Nh không có cơ sở giải quyết.

Ngày 03/8/2017, ông Kh bà Nh khiếu nại công văn 2247.

Ngày 08/9/2017, Chủ tịch UBND Thành phố B có Quyết định số 4294/2017/QĐ-UBND về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại do khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền lợi của ông Kh.

Không đồng ý, ông Kh bà Nh tiếp tục khiếu nại

Ngày 25/10/2017, UBND thành phố B có Quyết định số 5125 về việc thu hồi Quyết định số 4294 do ban hành không đúng luật khiếu nại, đồng thời ban hành Thông báo số 641/TB-UBND về việc "không thụ lý khiếu nại ngày 03/8/2017" của ông Kh bà Nh, với lý do: *theo khoản 2 Điều 11: Các khiếu nại không được thụ lý giải quyết:*

2. Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại.

Ngày 20/11/2017, ông Kh, bà Nh khiếu nại Thông báo số 641/TB-UBND.

Ngày 08/3/2018, UBND thị xã Bà Rịa ban hành Thông báo số 179/TB-UBND về việc không thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại của ông Kh, bà Nh, với lý do: Việc khiếu nại Thông báo số 641 là khiếu nại có nội dung xuất phát từ việc khiếu nại Công văn 2247, là khiếu nại không được thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 2, Điều 11 của Luật khiếu nại năm 2011.

Không đồng ý, ngày 26/3/2018 ông Kh, bà Nh khiếu nại đến UBND Tỉnh.

Ngày 06/4/2018, Ban tiếp công dân Văn phòng UBND Tỉnh lập Biên bản tiếp công dân với ông Lê Minh Kh, thể hiện nội dung: Không thụ lý, giải quyết đơn của ông Kh với lý do:

+ Nội dung khiếu nại về việc UBND Thành phố B lạm quyền vi phạm pháp luật trong viêc ban hành Thông báo số 179/TB-UBND về việc không thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại: Căn cứ khoản 2 Điều 11 luật khiếu nại "*Các khiếu nại không được thụ lý giải quyết: Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại.*

+ Nội dung kiến nghị tạm đình chỉ việc thi hành quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu: Căn cứ khoản 7 Điều 11 Luật khiếu nại "*Các khiếu nại không được thụ lý giải quyết:Khiếu nại đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần hai".*

Từ những nội dung nêu trên cho thấy, UBND thành phố B ban hành Thông báo không thụ lý, giải quyết khiếu nại của ông Kh, bà Nh là có căn cứ.Do vậy, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Minh Kh, bà Trần Thị Nh là đúng. Tuy nhiên, Chủ tịch UBND tỉnh

Bà Rịa – Vũng Tàu không ra "Thông báo không thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại" theo mẫu số 02-KN ban hành kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính của Thanh tra chính phủ, là không đúng theo quy định tại đoạn 2 khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 07. Nên sai sót này cần rút kinh nghiệm.

Tuy nhiên như đã phân tích ở trên, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Minh Kh, bà Trần Thị Nh là đúng.

Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Kh, bà Nh về việc "Tuyên Hành vi hành chính của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Minh Kh, bà Trần Thị Nh là trái pháp luật.

Buộc Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại đề ngày 26/3/2018 của ông Lê Minh Kh và bà Trần Thị Nh theo quy định pháp luật".

[4]Từ những phân tích, nhận định nêu trên, cần áp dụng điểmakhoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Kh, bà Nh là có căn cứ và đúng pháp luật.Do đó, kháng cáo của phía người khởi kiện là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Ông Kh bà Nh là người cao tuổi nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm f khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía người khởi kiện ông Lê Minh Kh và bà Trần Thị Nh; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 79/2018/HC-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Áp dụng Điểm d Khoản 1 Điều 99, Khoản 3 Điều 100 của Luật Đất đai 2013; Luật khiếu nại năm 2011; khoản 7 Điều 153 Luật Tố tụng hành chính.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Kh và bà Trần Thị Nh về các yêu cầu "Hủy Quyết định số: 1036/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Minh Kh (lần

đầu); Hủy Quyết định số: 705/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Minh Kh, bà Trần Thị Nh (lần hai); Tuyên hành vi hành chính của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Minh Kh, bà Trần Thị Nh là trái pháp luật; Buộc Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại đề ngày 26/3/2018 của ông Lê Minh Kh và bà Trần Thị Nh theo quy định pháp luật."

2. Về án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Lê Minh Kh và bà Trần Thị Nh không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Cục thi hành án dân sự Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Đương sự
- Lưu: VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Mười

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Văn **Trần Thị Thu Thủy** **Phạm Công Mười**